

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ'
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-11-2018
V/v “ tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ' - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Hải Yến,
2. Ông Nguyễn Tiến Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 216/2018/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2018/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Thôn B, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn X**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh X vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2018 cũng như tại bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn X kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/7/2016. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh X

ở thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh X thường xúc phạm chị và gia đình chị. Những lúc nóng giận, anh X còn chửi, tát chị và tỏ ra ghen tuông vô cớ tạo áp lực cho cuộc sống của chị. Đỉnh điểm mâu thuẫn là khi chị có thai và phải bỏ đi vì chị đang bị bệnh phải điều trị theo yêu cầu của bác sĩ, nhưng anh X không hiểu cho chị mà cho rằng chị có lỗi do quá coi trọng tính mạng mình mà không giữ lại con chung. Ngoài ra, do sức khỏe của anh X yếu vì anh bị bệnh tim và anh có tư tưởng sống phụ thuộc vào bố mẹ đẻ và anh chị bên nhà chồng nên chị T không chấp nhận. Từ tháng 7/2018 chị T đã về sống cùng mẹ đẻ tại địa chỉ thôn B, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Anh X vẫn sinh sống tại thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình cùng bố mẹ đẻ. Vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Trước đó, anh chị cũng đã sống ly thân một thời gian dài từ tháng 12 năm 2016 đến tháng 10 năm 2017 nhưng do gia đình hai bên động viên nên chị T đã quay về chung sống với anh X, tuy vậy vợ chồng vẫn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X.

Về con chung: Chị và anh X chưa có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay nợ chung tài sản của ai hay của cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***/ Bị đơn là anh Trần Văn X** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để nộp bản tự khai và trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của chị T. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ anh X cũng vắng mặt không lý do. Vì vậy anh X không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

***/ Theo ông Trần Xuân Đ và bà Bùi Thị N, sinh năm 1954, cư trú tại: Thôn T, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (là bố mẹ đẻ của anh X) trình bày** tại biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 08/10/2018 như sau:

Về thời gian, điều kiện kết hôn của chị T và anh X đúng như chị T đã trình bày. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng chị T anh X là do chị T không làm tốt vai trò của người vợ trong gia đình. Ông bà đã khuyên bảo chị T anh X nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị T đã có thời gian bỏ nhà chồng đi về nhà mẹ đẻ từ tháng 12/2016, đến tháng 10/2017 quay về nhà ông bà chung sống cùng anh X và vợ chồng ông bà, nhưng chị T và anh X vẫn không có hạnh phúc. Chị T luôn có tư tưởng muốn bỏ nhà chồng đi, nên nay chị T xin ly hôn, gia đình ông bà hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T anh X được ly hôn vì cả hai không có khả năng đoàn tụ. Ông bà

cũng trình bày quan điểm của anh X là: Anh X đã biết việc chị T gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn anh; Anh X đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án gửi và đã ký nhận vào phiếu báo phát do bưu điện chuyển đến; đề nghị Tòa án không phải báo gọi anh X đến làm việc và cũng không niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh, Tòa án cứ giải quyết ly hôn vắng mặt anh X. Gia đình và anh X không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì.

Về con chung và tài sản chung của vợ chồng chị T anh X: Ông Đ, bà N trình bày đúng như lời trình bày của chị T tại Tòa án.

****/ Qua xác minh với Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình vào ngày 08/10/2018 thì thấy:***

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị T và anh X như chị T đã trình bày. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh X ở thôn T, xã V. Khoảng 3,4 tháng sau khi cưới thì vợ chồng anh chị mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là về kinh tế và sức khỏe của anh X không tốt, anh X bị bệnh tim đã phẫu thuật nên hạn chế khả năng lao động và có thái độ thiếu tôn trọng chị T. Giữa anh X và chị T lại có quan điểm và lối sống khác nhau nên nảy sinh nhiều mâu thuẫn vì vậy cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc. Địa phương cũng đã hòa giải, can thiệp nhưng không được bao lâu thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Chị T đã từng bỏ về nhà mẹ đẻ ở Hà Nội từ tháng 12/2016 đến tháng 10/2017. Sau đó được động viên nên chị đã quay về chung sống nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Hiện tại anh chị đã sống ly thân và không có khả năng đoàn tụ. Nay chị T xin ly hôn anh X, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết quan hệ hôn nhân theo nguyện vọng của chị T để cả hai ổn định cuộc sống.

Chị T và anh X chưa có con chung nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung của anh chị do mới kết hôn nên chưa tạo lập được tài sản chung gì. Hiện tại chị T anh X không vay nợ của các tổ chức đoàn thể ở xã.

Các văn bản tố tụng Tòa án đã gửi về Ủy ban nhân dân xã để gửi cho anh X thì bưu tá xã đã chuyển cho anh X và gia đình theo đúng địa chỉ và có ký nhận.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án và không đến Tòa để viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Văn X.

+ Quan hệ con chung: Chị T và anh X chưa có con chung nên không đặt ra giải quyết.

+ Quan hệ tài sản: Do anh X vắng mặt và chưa có lời trình bày tại Tòa án, vì vậy chưa đủ căn cứ xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của chị T và anh X. Cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

+ Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trần Văn X kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 09/7/2016 là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, mặt khác anh X lại có sự nghi ngờ về lòng chung thủy của chị T nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị T và anh X cũng không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Trước đó vợ chồng cũng đã có thời gian dài sống ly thân từ tháng 12/2016 đến tháng 10/2017 và quay về chung sống nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm. Từ tháng 7/2018 chị T đã về sống cùng mẹ đẻ và sau đó không còn chung sống với anh X nữa, không ai quan tâm đến ai.

Tòa án cũng đã hỗ trợ về việc gửi các tài liệu, chứng cứ mà chị T giao nộp cho anh X theo đơn đề nghị của chị T và đã triệu tập họp lệ anh X nhiều lần. Anh X có biết việc chị T xin ly hôn anh, nhưng anh vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ vắng mặt anh X. Chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện vợ chồng chị T anh X đã sống ly thân mỗi người một nơi. Vì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã kéo dài nên không có khả năng đoàn tụ. Nay chị T xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T để anh X, chị T ổn định cuộc sống.

Anh X không đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc chị T xin ly hôn anh, chứng tỏ anh cũng không thiết tha gì với cuộc sống hôn nhân này và cũng bỏ mặc, không muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét đời sống chung của chị T anh X đã chấm dứt trên thực tế, thực trạng quan hệ vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Văn X.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị T và anh Trần Văn X không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản: Do không có lời trình bày của anh X về vấn đề tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của chị T và anh X. Cần tách ra giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Trần Văn X.

2. Về quan hệ con chung:

Lê Thị T và anh Trần Văn X không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003098 ngày 18/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn chị Lê Thị T và bị đơn anh Trần Văn X. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án

trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Vũ Vân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thoan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thoan